

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09 /02 /2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị B - Sinh năm: 1993

Nơi ĐKKHKT: Thôn Mỹ Sơn, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Yên Tôn Hạ, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn L - Sinh năm: 1989

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú hiện nay: Thôn Mỹ Sơn, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh L vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2022, bản tự khai ngày 07/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Lưu Thị B trình bày:

* Về hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn L.

* Về con chung: Vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung tên là: Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020

Hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, cháu còn nhỏ hiện đang đang sinh sống, cư trú với Chị B (mẹ đẻ). Khi ly hôn, Chị B xin được trực tiếp nuôi, dạy con chung và yêu cầu anh Trịnh Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị B 1.500.000 đồng/01 tháng, cho đến khi Cháu Th thành niên (đủ 18 tuổi).

* Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác Chị B chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2022 và các lời trình bày khác bị đơn là anh Trịnh Văn L trình bày:

* Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn L và chị Lưu Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là vợ chồng là chưa hiểu nhau, thỉnh thoảng có cãi vã lẫn nhau. Anh L xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Vì vậy Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Anh L không đồng ý.

* Về con chung: Vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung tên là: Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020

Hiện cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, cháu còn nhỏ hiện đang đang sinh sống cùng với Chị B. Khi ly hôn, Anh L đồng ý để Chị B được trực tiếp nuôi dạy con chung và anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng Chị B 1.500.000 đồng/01 tháng, cho đến khi Cháu Th thành niên (đủ 18 tuổi).

* Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác Anh L chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* Trước khi mở phiên tòa quá trình hòa giải anh Trịnh Văn L và chị Lưu Thị B đã thống nhất thỏa thuận được với nhau và phần con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao cháu Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020 cho Chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị B số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng, cho đến khi Cháu Th thành niên (đủ 18 tuổi).

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Anh L nhưng tại phiên tòa ngày 09/02/2023 Anh L vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2022 và UBND xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, là nơi Chị B và Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú:

Về tình trạng hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L kết hôn với nhau vào ngày 25/12/2019 có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp. Vợ chồng kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong quá trình vợ, chồng chung sống do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ tháng 7/2022 vợ chồng sống ly thân, Chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Yên Tôn Hạ, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

Về con chung: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L không ai có con riêng; Vợ chồng có 01 con chung tên là: Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020

Từ khi Chị B và Anh L ly thân nhau đến nay, Chị B đem theo Cháu Th về ở với bố, mẹ đẻ, ở ở tại thôn Yên Tôn Hạ, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị B, xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn anh Trịnh Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX Công nhận sự thỏa thuận của anh Trịnh Văn L và chị Lưu Thị B: Giao cháu Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020 cho chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng Chị B mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Trịnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về án phí: Chị Lưu Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trịnh Văn L phải chịu 50% mức án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa vụ trong qu, trnh giải quyết v, n Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lưu Thị B có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trịnh Văn L có hộ khẩu thường trú tại Thôn Mỹ Sơn, xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Chị B và Anh L không thỏa thuận được với nhau về phần hôn nhân. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Anh L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lưu Thị B có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Đề nghị này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 25/12/2019. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ tháng 7 /2022 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa Chị B và Anh L đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, Anh L vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân Anh L cũng không có giải pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa anh và Chị B. Quá trình giải quyết vụ án Anh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên tòa mà không có lý do, điều đó thể hiện anh Trịnh Văn L không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn anh Trịnh Văn L là phù hợp.

[3]Về con chung: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L thống nhất vợ, chồng có 01 con chung tên là Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày

20/8/2020, cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Khi ly hôn Chị B và Anh L thống nhất thỏa thuận giao cháu Trịnh Minh Th cho Chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng Chị B mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Trịnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi).

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L đã thống nhất việc chăm sóc, cấp dưỡng nuôi con chung đây là sự thỏa thuận, tự nguyện của Chị B và Anh L và xét điều kiện, hoàn cảnh và để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển về trí lực và thể lực cho cháu bé, thấy rằng: Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020, đang còn nhỏ hiện mới được hơn 02 (hai) tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, bên cạnh đó cháu Trịnh Minh Th đang được Chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy HĐXX công nhận sự thỏa thuận của Anh L và Chị B về việc giao con chung là cháu Trịnh Minh Th cho chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho Chị B mỗi tháng số tiền 1.500.000đ cho đến khi cháu Trịnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi) sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh sống của Anh L nên HĐXX công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật anh Trịnh Văn L phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Minh Th hàng tháng trực tiếp cho chị Lưu Thị B hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lưu Thị B có quyền làm đơn xin thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi chị có yêu cầu.

Anh Trịnh Văn L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ chung khác:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lưu Thị B chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Trịnh Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 68, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn anh Trịnh Văn L.

2. Về con chung:

2.1 Công nhận sự thỏa thuận của chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L: Giao con chung Trịnh Minh Th (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/8/2020 cho chị Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Trịnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Công Nhận sự thỏa Thuận của chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L: Anh Trịnh Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Lưu Thị B mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Trịnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi). Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật anh Trịnh Văn L phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Minh Th hàng tháng trực tiếp cho chị Lưu Thị B hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lưu Thị B có quyền làm đơn xin thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi chị có yêu cầu.

2.3. Anh Trịnh Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị B phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004772 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị B đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Anh Trịnh Văn L phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ vì hai bên đã tự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lưu Thị B và anh Trịnh Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Xuân Sơn